

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04-10-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ái Hòa;

2. Ông Lại Văn Phê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Tấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị ĐTKV, sinh năm 19..; địa chỉ: khu phố LA, phường TB, thị xã TB, tỉnh TN;

2. *Bị đơn:* Anh HVH (L), sinh năm 19..; địa chỉ: khu phố LA, phường TB, thị xã TB, tỉnh TN.

Chị V và anh H xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, chị ĐTKV trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh H chung sống từ năm 1997, tự nguyện không ai ép buộc, đến năm 2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TB (nay là phường TB), thị xã TB, tỉnh TN. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến tháng 6-2016 thì phát sinh mâu thuẫn do cả hai không tin tưởng lẫn nhau trong

cuộc sống vợ chồng, cả về kinh tế gia đình, anh H không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên uống rượu, kiếm chuyện gây gổ với chị về tiền bạc, hiện vợ chồng vẫn sống chung nhà, nhưng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, chị và anh H sống độc lập về kinh tế gia đình kể từ khi phát sinh mâu thuẫn tháng 6-2016 đến nay, nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có ba con chung HTL, sinh năm 19.. (chết năm 2012), HTT, sinh ngày 27-12-2000 và HTH, sinh ngày 07-12-2015, hiện đang sống chung với vợ chồng. Chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu H, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu T đã thành niên chị không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung: Không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại vợ chồng.

Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn, anh HVH (L): Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 31-8-2022, anh H trình bày.

Về hôn nhân như chị V trình bày là đúng, nhưng về mâu thuẫn là không đúng, vợ chồng không có mâu thuẫn gì, hiện nay vợ chồng vẫn sống chung nhà. Nên anh xin đoàn tụ.

Về con chung: Có ba con chung, đã chết một người như chị V trình bày là đúng. Nếu Tòa án cho ly hôn thì anh không có ý kiến gì, giao con cho ai thì người đó nuôi dưỡng, giáo dục, bên kia không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng HTT, sinh ngày 27-12-2000 đã thành niên anh không yêu cầu giải quyết và có đơn xin vắng mặt.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án đến khi vào nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V đối với anh H (L).

Về con chung: Giao cháu H, sinh ngày 07-12-2015 cho chị V được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị V không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn chị V và bị đơn anh H (L) có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị V và anh H (L), do cả hai không tin tưởng lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng, cả về kinh tế gia đình, anh H không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên uống rượu, kiếm chuyện gây gổ với chị về tiền bạc, vợ chồng sống độc lập về kinh tế gia đình. Mặc dù vợ chồng sống chung nhà nhưng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 6-2016 đến nay, nên tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh H ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Giao cháu HTH, sinh ngày 07-12-2015 cho chị V được quyền nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với cháu HTT, sinh ngày 27-12-2000 đã thành niên chị V và anh H không yêu cầu giải quyết.

Ghi nhận chị V không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Do chị V và anh H vắng mặt, nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Chị V phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố Tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V đối với anh H (L).

Chị V được ly hôn với anh H (L).

Về con chung: Giao cháu HTH, sinh ngày 07-12-2015 cho chị V được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị V không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

2. Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Ghi nhận chị V đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) từ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026586 ngày 13-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, được khấu trừ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các bên đương sự biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (phường) và nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT.TANDTC (Vụ 1);
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- Phòng KT nghiệp vụ TAND tỉnh;
- VKSND Tx. Trảng Bàng;
- VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS Tx. Trảng Bàng;
- UBND phường Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN VĂN TÂM